

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GDP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GDP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GDP INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GDP INVEST

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110689086

**3. Ngày thành lập:** 17/04/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô A2-A6, tổ 3, Cụm Sòi, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0903227649

Fax:

Email: [ducbd888@gmail.com](mailto:ducbd888@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4390        |
| 5.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>- Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở;<br>- Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở;<br>- Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở;<br>- Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở;<br>- Kinh doanh bất động sản khác. | 6810(Chính) |
| 6.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản;<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản;<br>- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản;<br>- Quản lý vận hành nhà chung cư.                                                                          | 6820        |
| 7.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4101        |
| 8.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4102        |
| 9.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4211        |
| 10. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4212        |

|     |                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Xây dựng công trình điện<br>(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội) | 4221 |
| 12. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                          | 4222 |
| 13. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                           | 4223 |
| 14. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                            | 4229 |
| 15. | Xây dựng công trình thủy<br>(trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội) | 4291 |
| 16. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                              | 4292 |
| 17. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                        | 4293 |
| 18. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                   | 4299 |
| 19. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                       | 4311 |
| 20. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(trừ dịch vụ nổ mìn)                                                                                                                                                    | 4312 |
| 21. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                        | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 330.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 33.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông               | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                         | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần  | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | VŨ THỊ<br>THANH<br>PHƯƠNG | Số nhà 12 ngõ<br>210/3 đường<br>Hoàng Văn Thái,<br>Phường Khương<br>Mai, Quận Thanh<br>Xuân, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 660.000        | 6.600.000.000            | 2,000        | 0011840211<br>82                                                                                                       |            |
|     |                           |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                            | Tổng số                            | 660.000        | 6.600.000.000            | 2,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                            |                                    |                |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>TRƯỜNG<br>GIANG | ML33 Vinhomes<br>Green Bay,<br>Phường Mễ Trì,<br>Quận Nam Từ<br>Liêm, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam                        | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 31.350.<br>000 | 313.500.000.00<br>0      | 95,000       | 0150760001<br>36                                                                                                       |            |
|     |                           |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0              | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                            | Tổng số                            | 31.350.<br>000 | 313.500.000.00<br>0      | 95,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                                                            |                                    |                |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |              |                                                                                                 |                           |         |               |       |              |
|---|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|-------|--------------|
| 3 | BÙI DOÃN ĐỨC | P210 A14B2, Khu đô thị Nam Trung Yên, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 990.000 | 9.900.000.000 | 3,000 | 001078014461 |
|   |              |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000 |              |
|   |              |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000 |              |
|   |              |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|   |              |                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000 |              |
|   |              |                                                                                                 | Tổng số                   | 990.000 | 9.900.000.000 | 3,000 |              |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI DOÃN ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 22/05/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001078014461

Ngày cấp: 27/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: P210 A14B2, Khu đô thị Nam Trung Yên, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P210 A14B2, Khu đô thị Nam Trung Yên, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội